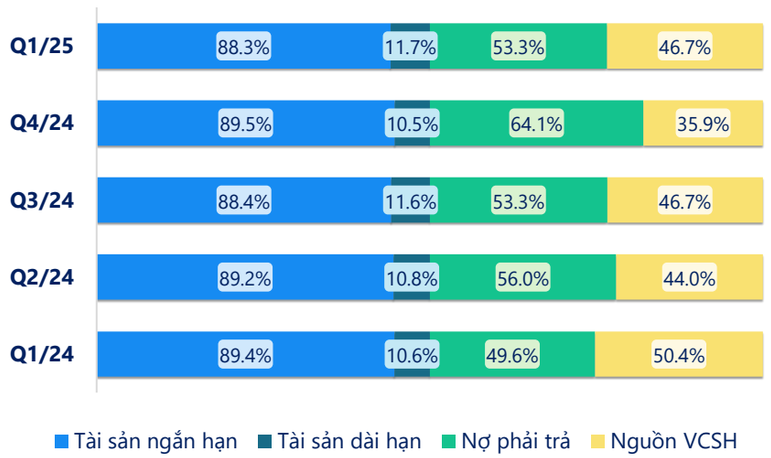
CTCP Dịch vụ Lắp đặt - Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (UPCOM: POS)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	22,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	28,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,065
SL cổ phiếu LH	40,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,390
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	900
P/E	12.2
EPS	1,852

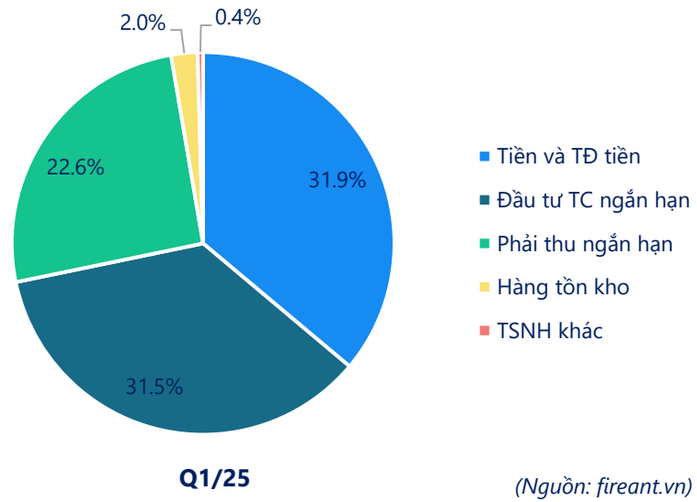
	YTD	1T	3T	6T
POS	16.6%	-19.6%	17.2%	9.6%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



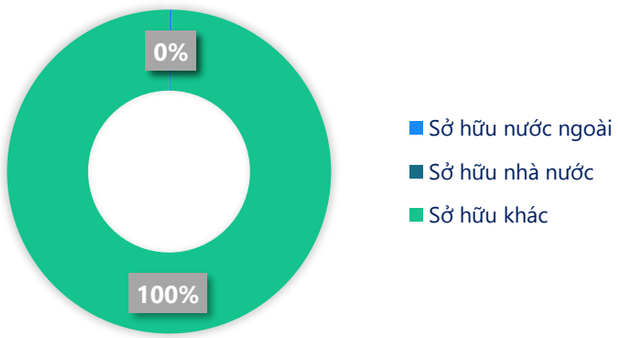
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



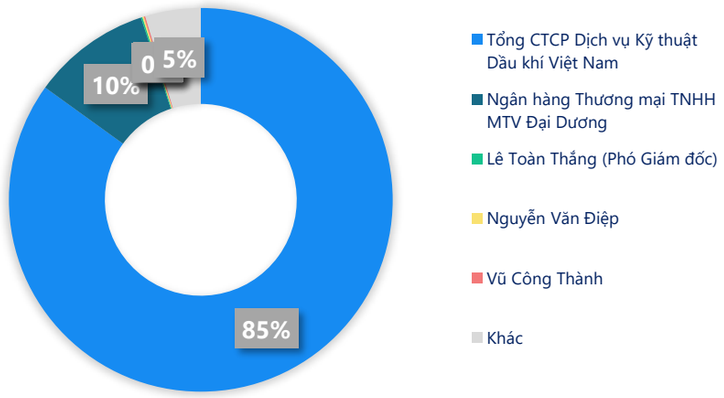
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



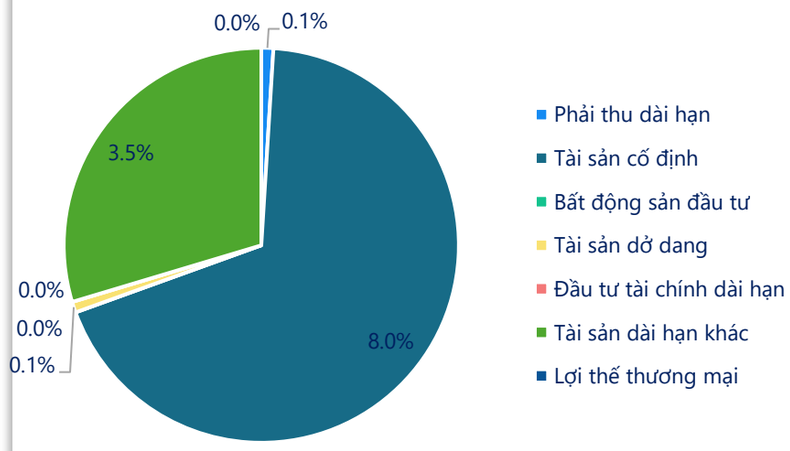
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

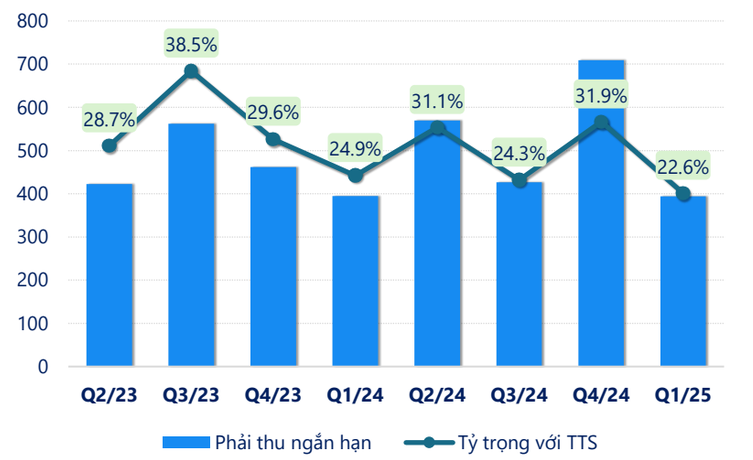
CTCP Dịch vụ Lắp đặt - Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (UPCOM: POS)

Tiền và tương đương tiền



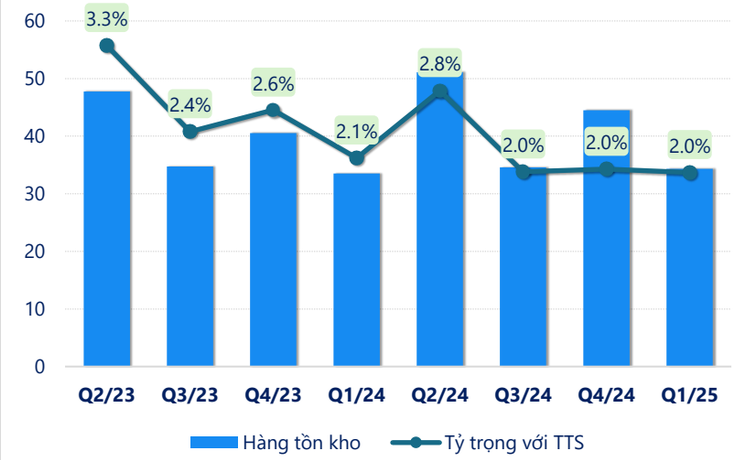
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



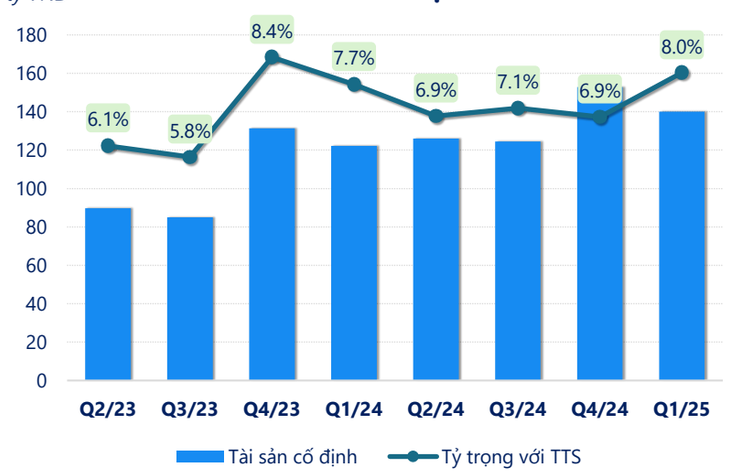
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



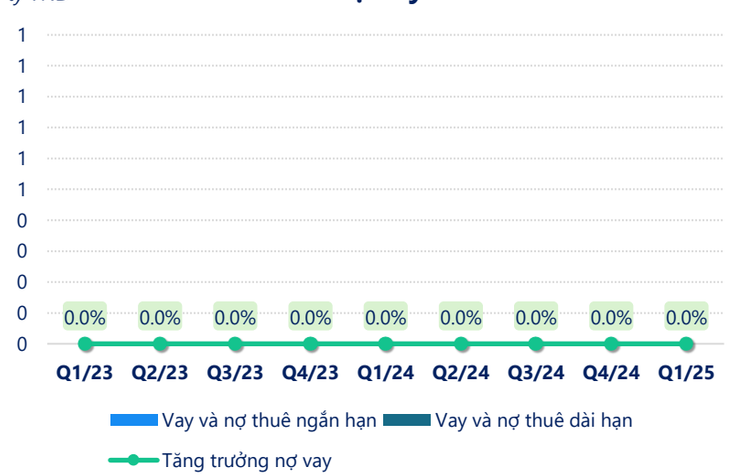
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



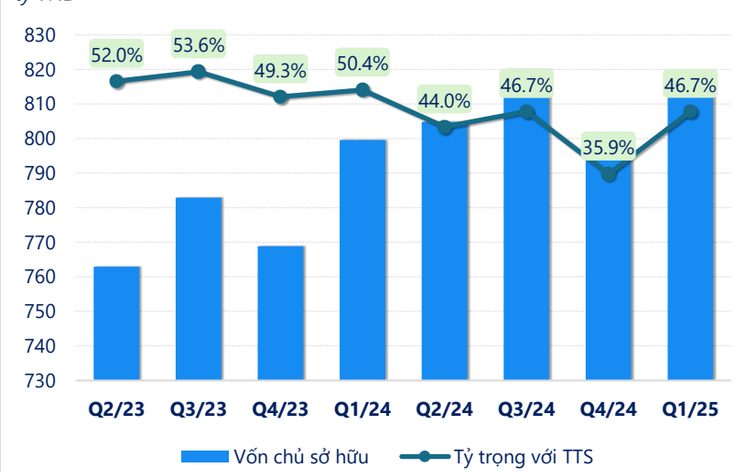
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

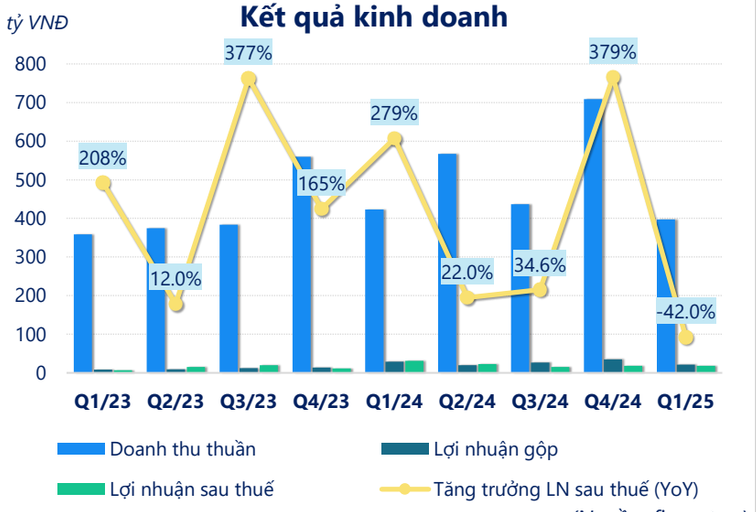


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

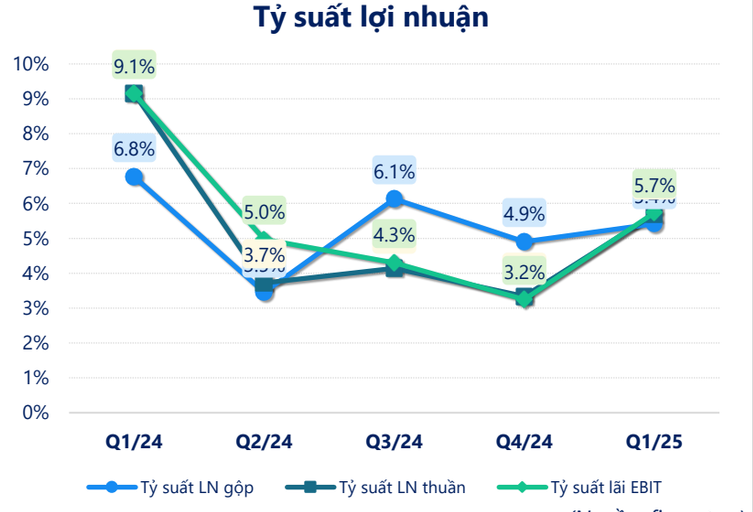
CTCP Dịch vụ Lắp đặt - Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (UPCOM: POS)

Kết quả kinh doanh



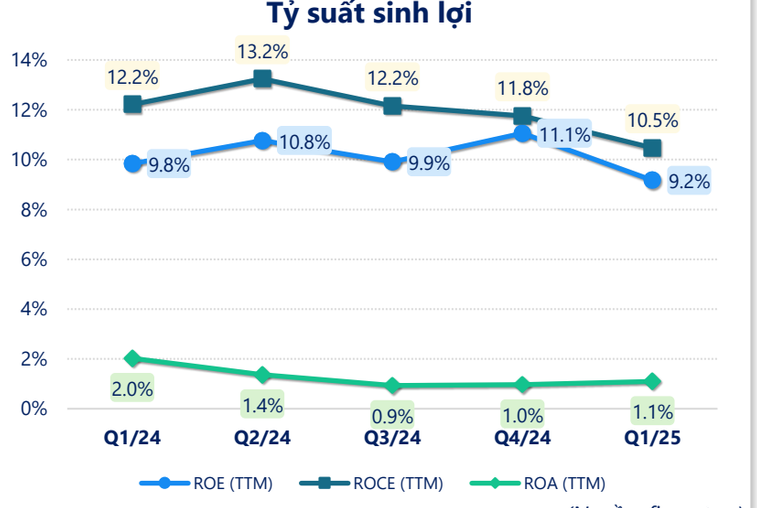
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



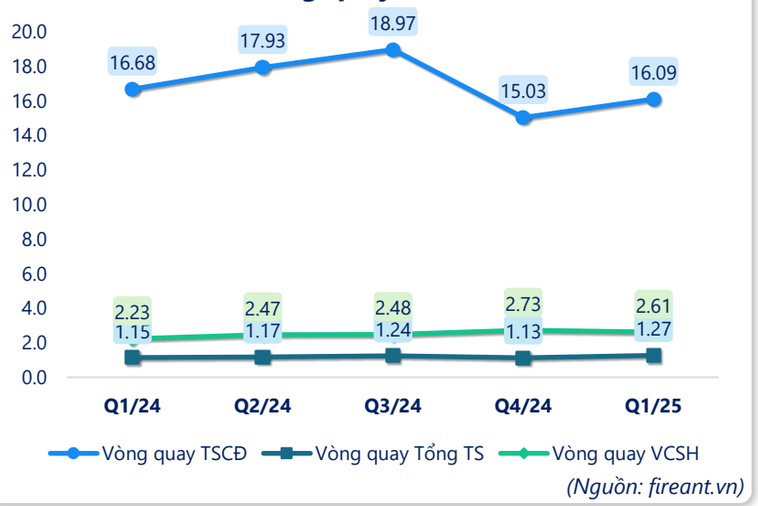
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



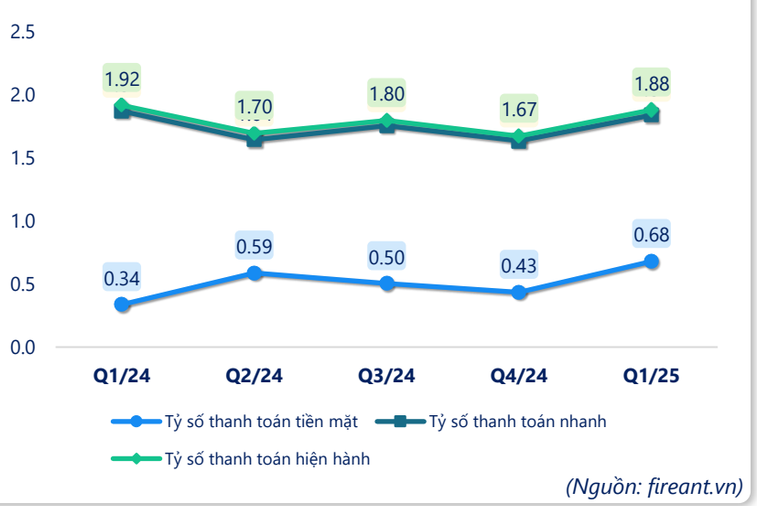
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



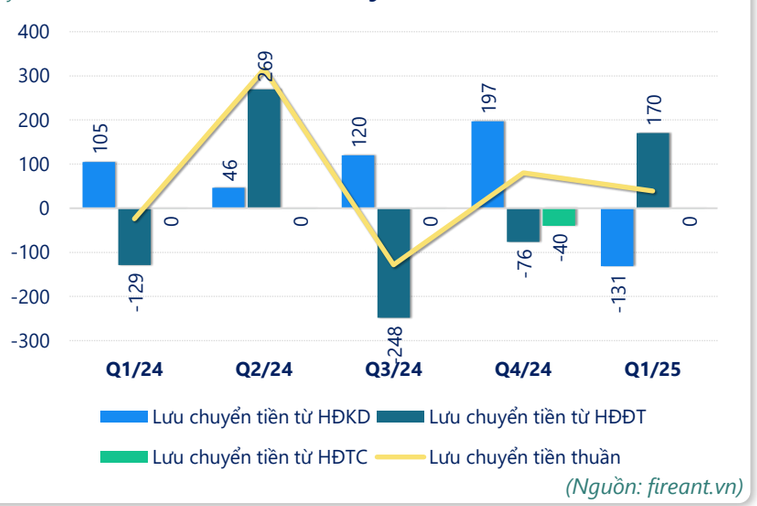
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Dịch vụ Lắp đặt - Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (UPCOM: POS)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,747**	**2,199**	**-20.6%**
Tài sản ngắn hạn	1,542	1,977	-22.0%
Tiền và tương đương tiền	557	517	7.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	550	719	-23.6%
Phải thu ngắn hạn	394	695	-43.3%
Hàng tồn kho	34.3	44.5	-22.8%
Tài sản ngắn hạn khác	7.06	1.34	426%
Tài sản dài hạn	**204**	**221**	**-7.7%**
Phải thu dài hạn	2.01	2.01	0.0%
Tài sản cố định	140	153	-8.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.81	1.81	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**60.5**	**64.8**	**-6.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	930	1,401	-33.6%
Nợ ngắn hạn	**820**	**1,215**	**-32.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	354	555	-36.2%
Nợ dài hạn	110	186	-40.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**816**	**798**	**2.3%**
Vốn chủ sở hữu	**816**	**798**	**2.3%**
Vốn điều lệ	400	400	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	423	567	437	709	397
Giá vốn hàng bán	394	548	410	674	376
Lợi nhuận gộp	28.6	19.6	26.8	34.7	21.5
Doanh thu HĐTC	15.9	11.7	5.98	16.3	10.7
Chi phí TC	0.69	0.85	7.17	-0.56	1.35
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.04	0.34	0.46	0.43	1.76
Chi phí QLDN	5.03	9.01	7.04	27.6	6.50
LN thuần từ HĐKD	38.7	21.1	18.1	23.7	22.6
Lợi nhuận khác	-0.06	7.10	0.71	-0.65	0.18
LN trước thuế	38.7	28.2	18.8	23.0	22.8
Lợi nhuận sau thuế	30.8	22.6	15.0	18.3	18.2
LNST của CĐ cty mẹ	30.8	22.6	15.0	18.3	18.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	105	46.1	120	197	-131
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-129	269	-248	-76.4	170
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.02	-0.01	-0.03	-39.7	-0.07
Tiền đầu kỳ	272	249	565	435	517
Lưu chuyển tiền thuần	**-24.0**	**315**	**-128**	**80.5**	**38.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	1.29	0.29	-1.88	2.11	0.73
Tiền cuối kỳ	249	565	435	517	557

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic